

CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

Số: 01/MIWON/2018

Nguyên liệu thực phẩm :

Tinh bột ngô (Maize Starch)

HỒ SƠ GỒM CÓ:

- 1. Bản tự công bố sản phẩm**
- 2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm**

Phú Thọ, tháng 5 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/MIWON/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Miwon Việt Nam

Địa chỉ: Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 024 37680216

Fax:

E-mail : giangthanh1603@gmail.com

Mã số doanh nghiệp : 2600109933

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 001011/2015/ATTP-CNĐK

Ngày Cấp : 25/11/2015 Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm- Bộ Y tế

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Tinh bột ngô (Maize Starch)

2. Thành phần: Tinh bột ngô (100%)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói: 50 kg/bao

4.2. Chất liệu bao bì: Bao bì 2 lớp, lớp giấy kraft bên ngoài, lớp pp bên trong

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

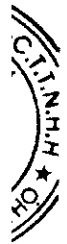
- Tên : GUJARAT AMBUJA EXPORTS LT

- Địa chỉ : AMBUJA TOWER, OPP.SINDHU BHAVAN, SINDHU BHAVAN ROAD, BODAKDEV, PO.THALTEJ, AHMEDABAD- 380059, INDIA.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

1. Mẫu nhãn chính sản phẩm (*xem phụ lục đính kèm*)

2. Mẫu nhãn phụ (*xem phụ lục đính kèm*)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm ;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô độc tố vi nấm trong thực phẩm ;
- Quyết định 46/2017/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

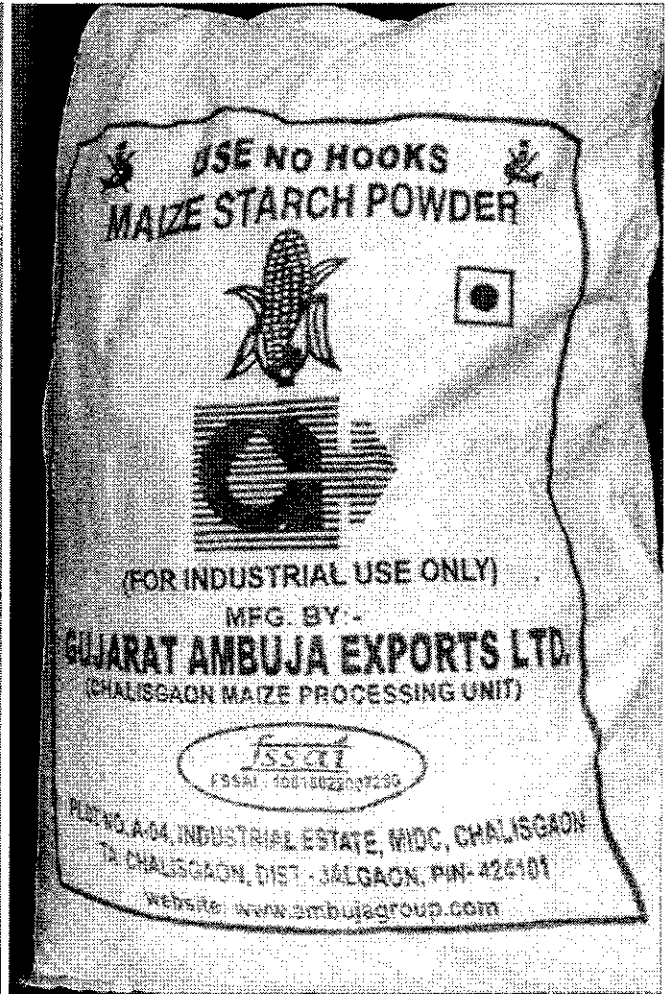
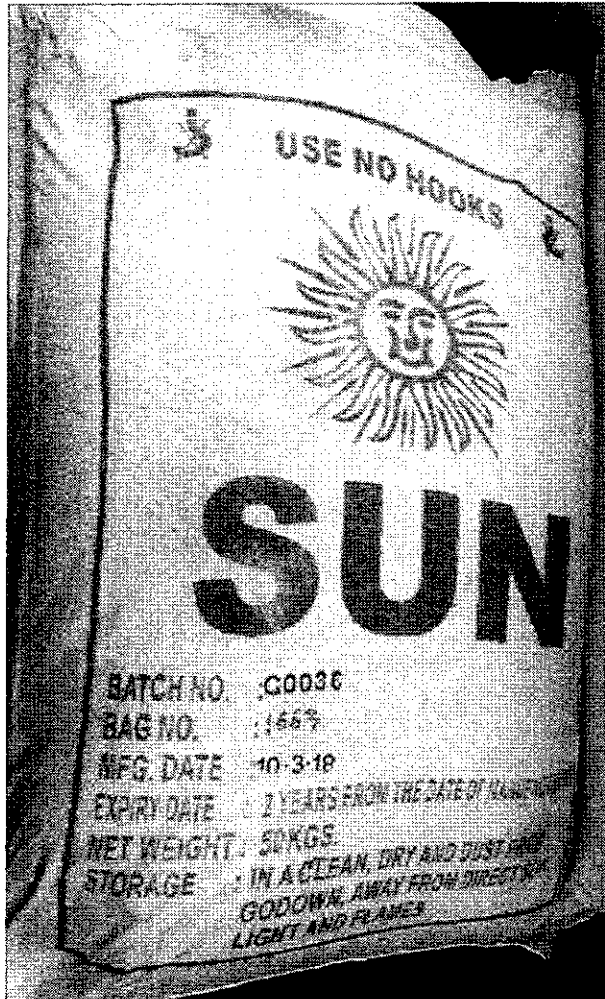
Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM MYEONG YU

PHI
AR
OI
H
T
/8

MẪU NHÃN SẢN PHẨM



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Tinh bột ngô (Maize Starch)

1. Thành phần: Tinh bột ngô 100%

2. Khối lượng tịnh: 50 kg/ bao

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Dùng làm nguyên liệu trong công nghiệp thực phẩm
- Bảo quản nơi khô, sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

4. Thông tin cảnh báo: Sử dụng theo đúng liều lượng quy định đối với từng loại thực phẩm

5. NSX, HSD: Hạn sử dụng 2 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất được in trên bao bì

6. Xuất xứ: Ấn Độ

6. Nhà sản xuất:

- Tên : GUJARAT AMBUJA EXPORTS LT

- Địa chỉ : AMBUJA TOWER, OPP.SINDHU BHAVAN, SINDHU BHAVAN ROAD, BODAKDEV, PO.THALTEJ, AHMEDABAD- 380059, INDIA.

7. Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Công ty TNHH Miwon Việt Nam

- Địa chỉ: Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 024 37680216

Fax:

VIỆT
C.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Số: 7195/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Tinh bột ngô (Maize Starch) - Nhà sản xuất: Gujarat Ambuja Exports LTD
2. Mã số mẫu: 04181402/DV
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon hàn kín, thông tin mẫu viết tay, đánh máy dán trên túi, 400g/túi. - Số lượng: 1
 NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 05/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 05/04/2018 - 18/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH Miwon Việt Nam
 Địa chỉ: Phố Sóng Thao - Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1'	<i>Salmonella</i>	/25g	TCVN 4829 : 2005	KPH
10.2'	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1 : 2013	1,5 x 10 ³
10.3'	<i>S. aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1 : 2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.4'	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.5'	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.6'	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.7'	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.8'	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	TCVN 8275-2 - 2010	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.9'	Hàm lượng Tro	g/100g	H.HD.QT.002	0,13
10.10'	Hàm lượng Protein	g/100g	H.HD.QT.003	0,60
10.11	Hàm lượng SO ₂	mg/Kg	H.HD.QT.015	56,3
10.12'	Độ chua	số mL NaOH 0,1 mol/L trung hòa 100g	H.HD.QT.185	19,7
10.13	Hàm lượng Silic Dioxyd (tính theo Silic)	g/100g	H.HD.QT.176(ICP-OES)	2,3
10.14	Hàm lượng Đồng	mg/kg	H.HD.QT.176 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,5 mg/kg)
10.15	Hàm lượng Kẽm	mg/kg	H.HD.QT.176 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,5 mg/kg)

Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia (NIFC) là đơn vị duy nhất được cấp phép để thực hiện các dịch vụ kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mọi chi tiết xin liên hệ: Văn phòng Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia, Phố Sóng Thao, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ. Điện thoại: 0310.382.26.116. Fax: 0310.382.26.115. Email: nifc@nifc.gov.vn



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
 Địa chỉ: Số 63 Đường Phạm Duật - Mỹ Đình - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
 Điện thoại: Số 2132762343 - Số 242262216 - Fax: số 242455734 * Website: www.nifc.gov.vn

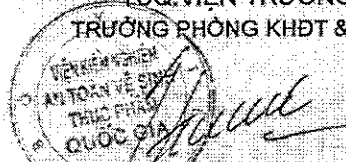
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.16	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,011 mg/kg)
10.17	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
10.18	Hàm lượng Chì	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
10.19	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
10.20	Hàm lượng Fumonisin	mg/kg	H.HD.QT.290 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 100 mg/kg)
10.21	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	H.HD.QT.011 (LC-MS/MS)	0,5
10.22	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	H.HD.QT.011 (LC-MS/MS)	1,4
10.23	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	H.HD.QT.459 (LC-MS/MS)	5,0

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIÊN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT & CĐT



ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được tách dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPCK.
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu.
 4. Các tài liệu đi kèm mẫu là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
 5. Mọi chi phí vận chuyển hàng không có mẫu thử hoặc kết quả thử nghiệm theo yêu cầu.

Số No. 2018/366/MN

Trang Page A/B

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT


1 Tên mẫu thử *Name of sample:* Tinh bột ngô (Maize Starch)
 Nhà sản xuất *Customer:* Gujarat Ambuja Export ETD - Ấn Độ
 2 Khách hàng *Customer:* Công ty TNHH Miwon Việt Nam
 3 Số lượng mẫu *Quantity:* 0 túi
 4 Ngày nhận mẫu *Date of receiving:* 26/04/2018
 5 Tình trạng mẫu *Status of sample:* Mẫu đựng trong túi nilon hàn kín
 6 Thời gian thử nghiệm *Test duration:* Từ ngày *From:* 26/04/2018 đến ngày *To:* 08/05/2018

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Hàm lượng Zearalenone, µg/kg	TN4-HD-N3-193 LC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=1,0)
2	Hàm lượng Deoxynivalenol, µg/kg	TN4-HD-N3-206 LC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=10)

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

CHỖ CHẤM ĐÓC

PHỤ TRÁCH PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM


Đỗ Văn Thích



CHỖ CHẤM ĐÓC


Nguyễn Ngọc Chiến

1. Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được trình thử nghiệm.
This test results is value only for samples taken to customer.
2. Không được trích sao mọi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của phòng thử nghiệm.
This test results shall not reproduced except in full, without the written agreement of the testing center.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 2018/766/MK

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Tinh bột ngô (Maize Starch)**
 Nhà sản xuất Gujarat Ambuja Export LTD - Ấn Độ

2. Khách hàng/Customer: Công ty TNHH Miwon Việt Nam

3. Số lượng mẫu/Quantity: 01túi

4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 26/04/2018

5. Tình trạng mẫu/Status of sample: Mẫu đựng trong túi nilon hàn kín

6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: Từ ngày/From: 26/04/2018 đến ngày/To: 08/05/2018

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Hàm lượng Zearalenone, µg/kg	TN4/HD/N3-193 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=1,0)
2	Hàm lượng Deoxynivalenol, µg/kg	TN4/HD/N3-206 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=10)

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

KT GIÁM ĐỐC

**PHỤ TRÁCH PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**


Đỗ Văn Thích



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7195/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Tinh bột ngô (Maize Starch) - Nhà sản xuất: Gujarat Ambuja Exports LTD
2. Mã số mẫu: 04181402/DV
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon hàn kín, thông tin mẫu viết tay, đánh máy dán trên túi, 400g/túi. - Số lượng: 1
NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 05/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 05/04/2018 - 18/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH Miwon Việt Nam
Địa chỉ: Phố Sông Thao - Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*	<i>Salmonella</i>	/25g	TCVN 4829 : 2005	KPH
10.2*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1 : 2013	1,5 x 10 ³
10.3*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1 : 2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.4*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.5*	<i>B. cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.6*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.7*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2: 2008	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.8*	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	TCVN 8275-2 : 2010	KPH (LOD: 10 CFU/g)
10.9*	Hàm lượng Tro	g/100g	H.HD.QT.002	0,13
10.10*	Hàm lượng Protein	g/100g	H.HD.QT.003	0,60
10.11	Hàm lượng SO ₂	mg/Kg	H.HD.QT.015	56,3
10.12*	Độ chua	số mL NaOH 0,1 mol/L trung hòa 100g	H.HD.QT.185	19,7
10.13	Hàm lượng Silic Dioxyd (tính theo Silic)	g/100g	H.HD.QT.176(ICP-OES)	2,3
10.14	Hàm lượng Đồng	mg/kg	H.HD.QT.176 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,5 mg/kg)
10.15	Hàm lượng Kẽm	mg/kg	H.HD.QT.176 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,5 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.16	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,011 mg/kg)
10.17	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
10.18	Hàm lượng Chì	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
10.19	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
10.20*	Hàm lượng Fumonisin	mg/kg	H.HD.QT.290 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 100 mg/kg)
10.21*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	H.HD.QT.011 (LC-MS/MS)	0,5
10.22*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	H.HD.QT.011 (LC-MS/MS)	1,4
10.23	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	H.HD.QT.459 (LC-MS/MS)	5,0

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT & CĐT



ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định